

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	01- 02
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	03 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
1. Bảng cân đối kế toán	05 - 08
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010.

### **1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc

### **2. Đánh giá hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 29 (đính kèm).

#### **Kết quả hoạt động kinh doanh**

Doanh thu thuần	<b>218.761.453.210 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán	<b>50.827.918.350 VND</b>

### **3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.
- ❖ Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

#### 4. Công ty kiểm toán

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 cho Công ty.

#### 5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

TM. Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày 14 tháng 01 năm 2011



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang**

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 24/01/2011 từ trang 05 đến trang 29 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục **4.3** Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m<sup>2</sup> đất còn lại tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2010 là **179.919.325** đồng, tuy nhiên giá trị đầu tư thực tế là **4.635.553.460** đồng (818.121 đồng/m<sup>2</sup>). Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm 2006.

Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận lũy kế tại ngày 31/12/2010.

2. Số dư phải trả cho Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp tại ngày 31/12/2010 với tổng số **4.287.772.554** VND là kết quả việc xử lý các khoản công nợ lâu năm đã từng được nêu trên Báo cáo kiểm toán giữa niên độ 2010. Việc xử lý và điều chỉnh các khoản công nợ này căn cứ vào thực tế chứng từ gốc có liên quan lưu trữ tại Công ty. Vấn đề này Công ty cũng đã có giải trình cụ thể với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày phát hành Báo cáo này, chúng tôi cũng chưa nhận được xác nhận công nợ với số dư nợ phải trả này. Vì vậy số dư khoản công nợ hoàn toàn căn cứ vào số liệu Công ty cung cấp.

**Theo ý kiến của chúng tôi**, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi lưu ý vấn đề sau : Đến ngày phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo phân phối lợi nhuận năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang (công ty con) và lợi nhuận quý 4 năm 2010 của Công ty Cổ phần Testco (công ty liên kết). Vì vậy báo cáo tài chính năm 2010 chưa bao gồm các kết quả đầu tư tài chính tương ứng vào các công ty này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ**  
Chứng chỉ KTV số: 0351/KTV



**PHAN THỊ THỦY TIÊN**  
Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>241.037.666.168</b>	<b>227.548.294.267</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>31.528.658.579</b>	<b>47.456.323.617</b>
1. Tiền	111		11.315.343.598	3.626.723.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.213.314.981	43.829.600.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4.2</b>	<b>151.964.915.929</b>	<b>127.953.531.935</b>
1. Phải thu khách hàng	131		89.650.617.666	60.893.126.940
2. Trả trước cho người bán	132		18.422.130.203	29.110.526.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	3.602.962.008
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	770.868.193
5. Các khoản phải thu khác	135		45.194.542.118	38.610.946.533
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.302.374.058)	(5.034.898.237)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.3</b>	<b>54.453.802.691</b>	<b>43.247.125.823</b>
1. Hàng tồn kho	141		54.453.802.691	43.247.125.823
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4.4</b>	<b>3.090.288.969</b>	<b>3.891.312.892</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		234.899.337	364.902.056
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.333.930.289	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	298.107.390
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.521.459.343	3.228.303.446

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>79.947.508.407</b>	<b>82.537.077.002</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.068.846.494</b>	<b>4.998.663.535</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>4.5</b>	2.068.846.494	4.380.936.964
- Nguyên giá	222		4.613.602.870	11.456.876.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.544.756.376)	(7.075.939.819)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	93.523.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(93.523.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	617.726.571
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>4.6</b>	<b>802.108.000</b>	<b>802.108.000</b>
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.7</b>	<b>70.670.245.695</b>	<b>70.074.500.507</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		70.410.245.695	69.521.060.507
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	553.440.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>4.8</b>	<b>6.406.308.218</b>	<b>6.661.804.960</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118.387.184	135.064.448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.287.921.034	6.526.740.512
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>320.985.174.575</b>	<b>310.085.371.269</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184.798.207.423</b>	<b>215.316.250.130</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>135.708.066.663</b>	<b>158.420.216.470</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	7.123.519.758	6.963.281.095
2. Phải trả người bán	312	4.10	41.048.408.048	49.138.949.334
3. Người mua trả tiền trước	313	4.10	15.836.396.408	42.432.758.956
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.11	6.210.907.822	8.316.822.221
5. Phải trả người lao động	315	4.10	3.433.633.842	2.935.487.777
6. Chi phí phải trả	316	4.10	26.776.731.333	16.894.248.687
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.10	22.859.938.563	25.451.146.993
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.10	135.727.000	135.727.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.10	12.282.803.889	6.151.794.407
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49.090.140.760</b>	<b>56.896.033.660</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.9	48.704.527.090	56.487.235.990
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		385.613.670	408.797.670
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>136.186.967.152</b>	<b>94.769.121.139</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>136.186.967.152</b>	<b>94.769.121.139</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12	80.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.12	10.700.000.000	300.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.720.741
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.12	31.751.323.436	16.034.131.506
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.12	5.325.419.385	3.360.770.394
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.13	8.410.224.331	5.069.498.498
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>320.985.174.575</b>	<b>310.085.371.269</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

  
Đào Thị Kiều Trinh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



  
Đoàn Thành Đạt

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	221.927.824.703	242.335.957.826
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.166.371.493	31.007.812
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	218.761.453.210	242.304.950.014
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	172.272.860.266	201.745.022.192
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.488.592.944	40.559.927.822
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	20.992.865.390	23.085.091.921
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	2.107.148.896	1.066.538.146
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.107.148.896	578.432.146
8.	Chi phí bán hàng	24	5.5	4.503.377.581	2.491.868.009
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	9.600.856.813	19.136.703.471
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.270.075.044	40.949.910.117
11.	Thu nhập khác	31	5.7	7.317.198.488	6.248.657.557
12.	Chi phí khác	32	5.8	7.759.355.182	6.204.433.882
13.	Lợi nhuận khác	40		(442.156.694)	44.223.675
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.827.918.350	40.994.133.792
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	11.296.119.046	7.408.406.632
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		238.819.478	(5.461.262.432)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.13	39.292.979.826	39.046.989.592
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.418	5.578

Ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

*Đào Thị Kiều Trinh*

Tổng Giám đốc



*Đoàn Thành Đạt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>50.827.918.350</b>	<b>40.994.133.792</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	331.680.442	688.225.567
-	Các khoản dự phòng	03	(3.755.708.179)	4.595.661.147
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.472.382)	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.593.541.638)	(23.114.032.758)
-	Chi phí lãi vay	06	2.107.148.896	578.432.146
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>35.912.025.489</b>	<b>23.742.419.894</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.290.534.909)	233.170.353
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.206.676.868)	15.283.716.171
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(18.474.886.809)	(948.914.306)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	146.679.983	4.486.218.101
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(2.107.148.896)	(2.487.088.298)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.692.234.967)	(1.563.829.547)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.393.411.078
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.972.210.828)	(5.620.429.804)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(27.684.987.805)</b>	<b>36.518.673.642</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(624.241.981)	(11.273.922.606)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	343.788.667
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(500.000.000)	(110.681.607)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.343.440.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.594.985	22.811.551.741
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>5.279.793.004</b>	<b>6.770.736.195</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.400.000.000 -
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.727.054.881 27.447.115.685
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.013.546.618) (35.240.773.507)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(9.335.978.500) (4.785.325.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.300.000.000) (7.560.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.477.529.763 (20.138.982.822)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(15.927.665.038) 23.150.427.015</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>47.456.323.617 24.305.896.602</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	- -
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>31.528.658.579 47.456.323.617</b>

Ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

  
 Đào Thị Kiều Trinh

Tổng Giám đốc



  
 Đoàn Thành Đạt

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 28/09/2010.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

#### 1.2 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đầu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đầu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

### 2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### 3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 06

### 3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao theo TT 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m<sup>2</sup> và 103,5 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

### 3.7 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

#### *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

#### *Phân loại các khoản đầu tư*

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

### 3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

### 3.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Doanh thu hoạt động tài chính:** được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 3.10 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m<sup>2</sup> đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/12/2010 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2010 là 80.131.312.823 đồng và chi phí ước tính là 27.622.786.091 đồng;

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m<sup>2</sup>;

Giá vốn 1 m<sup>2</sup> đất chuyển nhượng =  $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2010 là 38.170,12 m<sup>2</sup>.

### 3.11 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền mặt tại quỹ	2.897.309.103	59.694.016
Tiền gửi ngân hàng	8.418.034.495	3.567.029.601
Các khoản tương đương tiền	20.213.314.981	43.829.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>31.528.658.579</u></b>	<b><u>47.456.323.617</u></b>

##### 4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải thu khách hàng	89.650.617.666 (a)	60.893.126.940
Trả trước cho người bán	18.422.130.203 (b)	29.110.526.498
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	3.602.962.008
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	770.868.193
Các khoản phải thu khác	45.194.542.118 (c)	38.610.946.533
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.302.374.058) (d)	(5.034.898.237)
<b>Cộng</b>	<b><u>151.964.915.929</u></b>	<b><u>127.953.531.935</u></b>

##### (a) Phải thu khách hàng, chủ yếu:

Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	14.052.768.102
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	6.658.404.503
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	9.031.136.900
Ban Quản lý dự án ĐT XD TP Long Xuyên	7.240.726.000
Ban Quản lý các dự án ĐT XD ngành nông nghiệp Tiền Giang	14.808.799.512
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	3.049.591.000
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	10.272.917.715

##### (b) Trả trước cho người bán, chủ yếu:

Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang	253.473.000
Công ty TNHH Xây dựng Trọng Vinh	567.444.532
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	13.003.919.732

##### (c) Phải thu khác, chủ yếu:



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu lợi nhuận từ các công ty con, trong đó :	35.898.756.544
+ Lợi nhuận năm 2008, 2009, 2010 của Công ty TNHH MTV Bê Tông	31.502.587.484
+ Lợi nhuận năm 2009 của Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang	762.462.809
+ Lợi nhuận năm 2010 của Công ty CP Xây dựng Ticco	3.633.706.251
Phải thu ông Huỳnh Phú Gia – Tiền góp vốn hộ	2.109.099.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (Nợ và lãi vay)	6.421.623.683
Sở Tài chính An Giang	416.416.000
<b>(d) Bao gồm dự phòng các khoản nợ khó đòi sau:</b>	
Công ty CP ĐT & XD 40	368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360
Ban QL các dự án ĐT & XD Công trình Giao thông Tiền Giang	7.879.323

## 4.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Nguyên vật liệu	331.122.745	409.998.415
Công cụ, dụng cụ	-	4.674.164.240
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.423.124.901 (*)	37.983.043.843
Hàng hóa	699.555.045	179.919.325
<b>Cộng</b>	<b><u>54.453.802.691</u></b>	<b><u>43.247.125.823</u></b>

(\*) Bao gồm giá trị của các công trình xây dựng dở dang, chủ yếu:

Công trình KDC Long Thạnh Hưng	26.174.554.111
Công trình KDC đường Trương Định nối dài	16.441.349.084
Công trình Khu nhà vườn Huyện Tân Phước	2.515.153.000
Hồ chứa nước Cù Chi	3.834.738.218
Quyền sử dụng đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	179.919.325

## 4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	234.899.337 (a)	364.902.056
Thuế GTGT được khấu trừ	1.333.930.289	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	298.107.390
Tài sản ngắn hạn khác	1.521.459.343 (b)	3.228.303.446
<b>Cộng</b>	<b><u>3.090.288.969</u></b>	<b><u>3.891.312.892</u></b>

(a) Bao gồm:

Chi phí trả trước KDC Long Thạnh Hưng	142.868.190
---------------------------------------	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đồng phục nhân viên	48.199.818
Khác	43.831.329
<b>(b) Bao gồm:</b>	
Tạm ứng	1.275.073.311
Ký quỹ ngắn hạn	246.386.032

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	1.061.812.189	1.780.291.098	8.096.524.286	518.249.210	11.456.876.783
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	545.342.527	670.226.026	48.100.000	1.263.668.553
- Mua sắm	-	-	-	48.100.000	48.100.000
- Xây dựng cơ bản	-	523.642.527	670.226.026	-	1.193.868.553
- Phân loại	-	21.700.000	-	-	21.700.000
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	1.259.461.995	6.420.449.630	427.030.841	8.106.942.466
- Thanh lý	-	293.063.792	228.000.000	34.678.000	555.741.792
- Góp vốn đầu tư vào Công ty con	-	966.398.203	6.170.749.630	392.352.841	7.529.500.674
- Phân loại	-	-	21.700.000	-	21.700.000
Số dư cuối kỳ	1.061.812.189	1.066.171.630	2.346.300.682	139.318.369	4.613.602.870
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	878.054.270	551.332.241	5.275.210.175	371.343.133	7.075.939.819
<i>Tăng trong kỳ</i>	40.413.451	88.972.332	196.909.892	27.084.768	353.380.442
Khấu hao	40.413.451	67.272.332	196.909.892	27.084.768	331.680.442
Phân loại	-	21.700.000	-	-	21.700.000
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	338.055.129	4.264.983.819	281.524.937	4.884.563.885
- Thanh lý	-	289.735.219	228.000.000	34.678.000	552.413.219
- Góp vốn đầu tư vào Công ty con	-	48.319.910	4.015.283.819	246.846.937	4.310.450.666
- Phân loại	-	-	21.700.000	-	21.700.000
Số dư cuối kỳ	918.467.721	302.249.443	1.207.136.248	116.902.964	2.544.756.376
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	183.757.919	1.228.958.857	2.821.314.111	146.906.077	4.380.936.964
Số dư cuối kỳ	143.344.468	763.922.187	1.139.164.434	22.415.405	2.068.846.494



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong đó:

**Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, bao gồm:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	441.521.251
Máy móc, thiết bị	188.294.545
Phương tiện vận tải	377.201.756
Thiết bị quản lý	69.500.187
<b>Cộng</b>	<b>1.076.517.739</b>

**Nguyên giá TSCĐ cầm cố, thế chấp:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	1.061.812.189
Máy móc, thiết bị	660.409.583
Phương tiện vận tải	8.096.524.286
Thiết bị quản lý	437.417.608
<b>Cộng</b>	<b>10.256.163.666</b>

**4.6 Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)**

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>802.108.000</b>			<b>802.108.000</b>

**4.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2010		01/01/2010
Đầu tư vào công ty con	70.410.245.695 (a)		69.521.060.507
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000 (c)		553.440.000 (b)
<b>Cộng</b>	<b>70.670.245.695</b>		<b>70.074.500.507</b>

(a) Góp vốn vào các công ty con sau:

	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp thực tế
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00 %	38.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00 %	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	62,05 %	12.410.245.695

(b) Vốn đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Giao thông Tiền Giang đã được thu hồi trong 6 tháng đầu năm 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, giảm tỷ lệ sở hữu từ 80,77% xuống còn 20%, do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết trong năm 2010.

**4.8 Tài sản dài hạn khác**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chi phí trả trước dài hạn	118.387.184	135.064.448
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.287.921.034 (*)	6.526.740.512
<b>Cộng</b>	<b><u>6.406.308.218</u></b>	<b><u>6.661.804.960</u></b>

(\*) Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số dư đầu kỳ	6.526.740.512	1.065.478.080
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.121.631.312	5.620.377.309
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	2.360.450.790	159.114.877
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>6.287.921.034</u></b>	<b><u>6.526.740.512</u></b>

**4.9 Nợ vay**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Vay và nợ ngắn hạn	7.123.519.758 (a)	6.963.281.095
Vay dài hạn	43.704.527.090 (b)	42.151.257.490
Nợ dài hạn	5.000.000.000 (c)	14.335.978.500
<b>Cộng</b>	<b><u>55.828.046.848</u></b>	<b><u>63.450.517.085</u></b>

(a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang

Theo Hợp đồng vay ngắn hạn hạn mức số 02/2009/HĐ ngày 27/10/2009:

+ Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị thi công;

+ Tài sản đảm bảo:

Thế chấp TSCĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 27/10/2009, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 3.358.526.843.

Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh TG theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2009/HĐ ngày 27/10/2009.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(b) Bao gồm:**

	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Dư nợ đến 31/12/2010
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL chi nhánh Tiền Giang	Thực hiện dự án KDC Long Thạnh Hưng	Tài sản hình thành từ vốn vay	11.000.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	Vốn đầu tư đường giao thông KDC Long Thạnh Hưng	GCNQSĐĐ số AL 153971 và AN 780852	8.231.685.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	Nhận chuyển nhượng đất UBND xã Gò Công	QSĐĐ tại khu phố 12B, TP. Mỹ Tho	15.000.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	Mua 02 tàu hút bùn	TS hình thành từ vốn vay	9.472.842.090
<b>Cộng</b>			<b>43.704.527.090</b>

**(c) Nợ dài hạn**

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PI-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

**4.10 Nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	41.048.408.048 (a)	49.138.949.334
Người mua trả tiền trước	15.836.396.408 (b)	42.432.758.956
Phải trả người lao động	3.433.633.842	2.935.487.777
Chi phí phải trả	26.776.731.333 (c)	16.894.248.687
Phải trả, phải nộp khác	22.859.938.563 (d)	25.451.146.993
Dự phòng phải trả ngắn hạn	135.727.000 (e)	135.727.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.282.803.889 4.12	6.151.794.407
<b>Cộng</b>	<b>122.373.639.083</b>	<b>143.140.113.154</b>

**(a) Phải trả người bán, chủ yếu:**

Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	24.577.032.690
Công ty CP ĐT và XD Ticco An Giang	9.011.428.399
Công ty Cơ khí CT thủy 276	462.585.026



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	377.600.500
Công ty CP CN Intec	850.853.333
Công ty TNHH Khánh Giang	2.161.872.000
<b>(b) Người mua trả trước, chủ yếu:</b>	
Sở NN & PTNT Sóc Trăng	824.221.880
Ban QL Đầu tư & Xây dựng Thủy Lợi 10	11.103.694.000
Ban QL các dự án ĐT & XD CTGT Tiền Giang	2.055.000.000
<b>(c) Chủ yếu trích trước chi phí Công trình KDC Long Thành Hưng</b>	<b>25.380.773.938</b>
<b>(d) Phải trả khác, chủ yếu:</b>	
Phải trả về cổ phần hóa	10.781.795.988
Phải trả Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	4.287.772.554
Kinh phí công đoàn	173.600.421
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	704.408.129
Cổ tức năm 2010 chưa chi	6.750.000.000
<b>(e) Trích dự phòng cho Công trình Kênh Phước Xuyên 28.</b>	

### 4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.114.146.014	8.284.489.906
Thuế thu nhập cá nhân	95.761.808	32.332.315
Thuế khác	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.210.907.822</u></b>	<b><u>8.316.822.221</u></b>

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### a. Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>70.300.000.000</b>
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	10.400.000.000	20.400.000.000
Giảm vốn trong năm	-		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>90.700.000.000</b>

Bao gồm :

Công ty chứng khoán BIDV	16.900.000.000
Cổ đông là nhân viên Văn phòng Công ty	12.629.800.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	5.433.300.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông	1.218.100.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	1.875.700.000	
Cổ đông là nhân viên Xí nghiệp Cơ khí	1.000.700.000	
Cổ đông ngoài	40.942.400.000	
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	
<b>Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)</b>		
	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	7.000.000

## b. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư đầu kỳ	16.034.131.506	3.360.770.394	6.151.794.407
Tăng trong kỳ	15.717.191.930	1.964.648.991	6.680.746.363
Giảm trong kỳ	-	-	549.736.881
Số dư cuối kỳ	31.751.323.436	5.325.419.385	12.282.803.889

## 4.13 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2009	5.069.498.498
Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2010	39.292.979.826
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2010 :	
+ <i>Trích lập quỹ dự phòng tài chính (5% LNST)</i>	<i>(1.964.648.991)</i>
+ <i>Trích lập quỹ đầu tư phát triển (40% LNST)</i>	<i>(15.717.191.930)</i>
+ <i>Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LNST)</i> <i>(Quỹ phúc lợi 9% và Quỹ khen thưởng 6%)</i>	<i>(5.893.946.974)</i>
+ <i>Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành và quản lý Công ty (2% LNST)</i>	<i>(785.859.597)</i>
Hoàn nhập cổ tức năm trước trích thừa	1.459.393.500
<i>Tạm trích cổ tức năm 2010 (33,21% LNST)</i>	<i>(13.050.000.000)</i>
Lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2010	8.410.224.331

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2010 căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQĐH ngày 24/3/2010.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Tổng doanh thu	221.927.824.703	242.335.957.826
Giảm giá hàng bán	3.166.371.493	31.007.812
Doanh thu thuần bao gồm:	<b>218.761.453.210</b>	<b>242.304.950.014</b>
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	128.008.269.724	141.588.226.972
+ Doanh thu kinh doanh bất động sản	71.786.983.430	69.886.979.404
+ Doanh thu bán vật liệu	9.286.048.441	20.457.016.334
+ Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa	9.680.151.615	10.359.818.216
+ Doanh thu khác	-	12.909.088

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá vốn công trình xây dựng	123.870.234.077	133.331.273.874
Giá vốn kinh doanh bất động sản	33.055.323.920	41.372.812.260
Giá vốn vật liệu	8.218.846.391	19.348.436.564
Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa	7.128.455.878	7.692.499.494
<b>Cộng</b>	<b><u>172.272.860.266</u></b>	<b><u>201.745.022.192</u></b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	5.260.534.425	1.862.033.872
Lãi nhượng bán cổ phần	178.945.500	-
Lãi đầu tư vào công ty con	14.751.385.740	21.019.517.869
Lãi cho vay	740.653.099	-
Cổ tức công ty liên kết	60.594.985	-
Khác	751.641	56.540.180
<b>Cộng</b>	<b><u>20.992.865.390</u></b>	<b><u>23.085.091.921</u></b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	2.107.148.896	578.432.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	488.106.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.107.148.896</u></b>	<b><u>1.066.538.146</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5.5 Chi phí bán hàng**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.309.906.213	1.133.072.500
Chi phí dụng cụ bán hàng	104.188.415	37.684.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.326.782	9.012.193
Chi phí bằng tiền khác	3.055.956.171	1.312.098.600
<b>Cộng</b>	<b><u>4.503.377.581</u></b>	<b><u>2.491.868.009</u></b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chi phí lương nhân viên	6.455.916.953	5.587.071.335
Chi phí vật liệu quản lý	838.629.566	2.001.874.942
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.503.907	30.095.031
Chi phí khấu hao	273.456.917	372.904.408
Thuế, phí và lệ phí	342.754.940	162.898.798
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(3.732.524.179)	4.595.661.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	559.802.952	635.515.850
Chi phí bằng tiền khác	4.769.315.757	5.750.681.960
<b>Cộng</b>	<b><u>9.600.856.813</u></b>	<b><u>19.136.703.471</u></b>

**5.7 Thu nhập khác**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Chênh lệch từ góp vốn bằng tài sản	-	5.949.070.822
Thu từ thanh lý TSCĐ	1.406.504.589	-
Thu nhập từ bán vật tư, dụng cụ	4.809.475.829	-
Tiền bảo hành	56.400.718	31.048.181
Thu bồi thường, phạt vi phạm	958.487.763	-
Thu nhập khác	68.329.589	268.538.554
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	18.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.317.198.488</u></b>	<b><u>6.248.657.557</u></b>

**5.8 Chi phí khác**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	1.409.833.162	5.716.589.805
Phạt vi phạm	395.899.373	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Xử lý công nợ	-	6.001.912
Xuất bán công cụ dụng cụ	4.769.585.576	-
Hoàn trả tiền thi công công trình	-	183.574.142
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	953.197.063	-
Chi bảo hành công trình	-	250.589.447
Xử lý công trình dở dang treo từ những năm trước	170.442.675	-
Chi phí khác	60.397.333	47.678.576
<b>Cộng</b>	<b>7.759.355.182</b>	<b>6.204.433.882</b>

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Hoạt động SXKD và hoạt động khác	Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2010</b>	<b>18.607.043.920</b>	<b>32.220.874.430</b>	<b>50.827.918.350</b>
<b>Các khoản làm tăng thu nhập tính thuế</b>	<b>682.013.308</b>	<b>8.486.525.251</b>	<b>9.168.538.559</b>
Nộp phạt vi phạm	395.899.373	-	395.899.373
Lệ phí trước bạ Hợp đồng chuyển nhượng BĐS	286.113.935		286.113.935
Chênh lệch giá vốn KDC LTH	-	8.486.525.251	8.486.525.251
<b>Các khoản làm giảm thu nhập tính thuế</b>	<b>14.811.980.725</b>		<b>14.811.980.725</b>
Cổ tức của các khoản đầu tư	14.811.980.725		14.811.980.725
<b>Thu nhập chịu thuế năm 2010</b>	<b>4.477.076.503</b>	<b>40.707.399.681</b>	<b>45.184.476.184</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	1.119.269.126	10.176.849.920	11.296.119.046
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.119.269.126</b>	<b>10.176.849.920</b>	<b>11.296.119.046</b>
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh		2.121.631.312	2.121.631.312
Thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập		(2.360.450.790)	(2.360.450.790)
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>238.819.478</b>	<b>238.819.478</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Các giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2010	Năm 2009
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	- Khối lượng công trình nghiệm thu	108.041.973.149	46.065.738.441
	- Cổ tức tạm tính trong năm	3.633.706.251	3.875.496.722
	- Bán CC DC (Cừ Lazen)	4.478.270.164	
	- XNVLXD bán vật tư	4.636.432.270	397.844.010
	- Góp vốn bằng TSCĐ		3.808.317.886
	- Thanh lý TSCĐ	1.392.489.437	
	- XNCKSC gia công, sửa chữa	1.176.805.071	577.528.862
	- Bán vật tư (Dầm)	890.181.820	
	- Phí mua hồ sơ thầu	470.342.589	
	- Bán phụ tùng	182.335.402	
	- Các giao dịch khác	280.567.374	15.521.180
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	- Cổ tức tạm tính trong năm	11.117.679.489	14.706.572.210
	- Bán vật liệu xây dựng	3.472.630.435	104.438.182
	- Lãi thuê tài chính trả hộ	1.827.946.388	4.339.179.651
	- Nợ vay và nợ thuê tài chính trả hộ		10.875.325.000
	- XNCK gia công, sửa chữa	1.122.713.751	
	- Bán phụ tùng	110.035.580	
	- XNCK gia công, sửa chữa	1.122.713.751	
	- Các khoản khác	79.158.722	478.396.761
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	- Khối lượng công trình nghiệm thu	13.222.336.664	30.031.851.405
	- Bán vật liệu xây dựng	947.081.819	15.680.336.341
	- Lãi chậm trả phải thu	635.701.884	1.595.904.547
	- Cổ tức được chia		1.050.849.842
	- Các khoản khác	178.097.084	191.394.076



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số dư ngày 31/12/2010	Số dư ngày 31/12/2009
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	- Phải thu khách hàng	6.658.404.503	139.244.994
	- Trả trước khối lượng công trình	13.003.919.732	15.701.932.792
	- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	24.577.032.690	6.598.802.172
	- Phải thu lợi nhuận năm 2010	3.633.706.251	3.875.496.722
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	- Phải thu khách hàng	14.052.768.102	23.519.997.295
	- Phải thu gia công, sửa chữa	38.294.000	
	- Phải thu tiền vật tư	1.870.102.400	111.080.800
	- Trả trước người bán		2.072.000.000
	- Phải trả tiền mua bê tông, cọc vuông	11.191.840	
	- Phải thu lợi nhuận từ năm 2008-2010	31.502.587.484	20.933.157.555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	- Phải thu khác	6.421.623.863	5.072.501.289
	- Ứng trước khối lượng thi công	253.473.000	1.376.672.038
	- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	9.011.428.399	6.506.365.496
	- Phải thu lợi nhuận nộp về	762.462.809	762.462.809

**6.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với qui định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 24 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

*Đào Thị Kiều Trinh*

Tổng Giám đốc

*Đoàn Thành Đạt*

